

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6752 /BGDDĐT-GDPT

V/v đề nghị thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định
thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người (sau đây gọi tắt là Nghị định).

Triển khai Công văn số 7376/BTP-PLDSKT về việc bổ sung hồ sơ gửi thẩm định, Bộ GDĐT đã rà soát, bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định, thay thế Hồ sơ đã gửi kèm Công văn số 5973/BGDDĐT-GDPT ngày 04/9/2026, đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

Hồ sơ gồm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (ii) Dự thảo Nghị định; (iii) Báo cáo số 1987/BC-BGDDĐT ngày 24/9/2026 về việc tổng kết 09 năm thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; (iv) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (v) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (vi) Bản rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; (vii) Bản dự kiến tác động ngân sách; (viii) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành, địa phương lần thứ nhất; (ix) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành, địa phương lần thứ hai.

Văn bản thẩm định của Quý Cơ quan gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Phổ thông, số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội) để Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo quy định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Thường trực
Phạm Ngọc Thường (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG



Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15; Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) được giao chủ trì thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, Bộ GDĐT kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người là chính sách đặc thù của Nhà nước nhằm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với các dân tộc có quy mô dân số rất nhỏ và điều kiện phát triển còn nhiều khó khăn. Chủ trương này tiếp tục được khẳng định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, với yêu cầu *mở rộng tiếp cận công bằng, tăng cường chính sách hỗ trợ người học và không để người học phải bỏ học vì điều kiện tài chính*.

Nghị định số 57/2017/NĐ-CP được ban hành từ năm 2017; đến nay, hệ thống pháp luật về giáo dục, công tác dân tộc, ngân sách nhà nước và các chính sách hỗ trợ người học đã có nhiều thay đổi. Đồng thời, yêu cầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chuyển đổi số, khai thác dữ liệu dân cư và đơn giản hóa thủ tục hành chính đòi hỏi phải rà soát, điều chỉnh cơ chế thực hiện chính sách cho phù hợp.

1.1. Những văn bản liên quan đến xây dựng chính sách ưu tiên cho người học các dân tộc thiểu số rất ít người

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII: "...*Đặc biệt, có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người... Có chính sách đặc biệt để phát triển giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, ...coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc*".

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc: "*DTTS RIN là dân tộc có số dân dưới 10.000 người*".

- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

- Quyết định số 417/QĐ-BNNMT phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030, cụ thể hóa Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/ 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 "*phần đầu 20% học sinh, sinh viên xuất sắc thuộc các dân tộc có khó khăn đặc thù được hỗ trợ kinh phí đi đào tạo nước ngoài*". Trong đó, dân tộc có khó khăn đặc thù xác định theo Nghị định 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ nằm trong nhóm các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Quyết định 2086/QĐ-TTg về phê duyệt "Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025".

- Nghị quyết 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ "*Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030*" đã đề ra chỉ tiêu "*Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phần đầu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học*" và giao cho Bộ GDĐT "*Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Mục 1, Phần III của Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết thuộc lĩnh vực của Bộ được giao quản lý.*"

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đặt ra mục tiêu "*Mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á. Xây dựng mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc mọi đối tượng, vùng miền*" và giải pháp "*Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính*".

- Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật số 123/2025/QH15), trong đó có nhiều nội dung cần được quy định chi tiết, hướng dẫn như: *học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, quyền tiếp cận với các dịch vụ giáo dục trong và ngoài công lập của người học...*

1.2. Các văn bản liên quan đến xây dựng nội dung chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập

- Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

- Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Quyết định 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/12/2020 Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

- Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 Quy định chính sách cho trẻ nhà trẻ, HS, SV, HV vùng đồng bào DTTS, MN, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

- Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, và giá dịch vụ lĩnh vực GDĐT.

Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/05/2026 của Chính phủ Quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

- Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục

1.3. Những văn bản liên quan đến thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng nội dung Nghị định

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: “*Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả*”. Đây là định hướng chính trị quan trọng đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan, trong đó có cơ chế quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với mô hình tổ chức mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong đó xác định nhiệm vụ *xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu số phục vụ quản*

lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công (mục II.1, mục III.3).

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, trong đó yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, lấy người dân làm trung tâm, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giảm thủ tục hành chính và giấy tờ, trong đó xác định nhiệm vụ *xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công (mục II.1, mục III.3).*

- Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 13/9/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu trong đó có lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT.

- Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT năm 2025.

Trên cơ sở các căn cứ chính trị, pháp lý nêu trên, Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 09 năm thực hiện, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP đã góp phần hỗ trợ người học dân tộc thiểu số rất ít người duy trì việc học, giảm khó khăn cho gia đình, củng cố kết quả phổ cập giáo dục và tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện đã phát sinh một số bất cập chủ yếu: (1) đối tượng và chính sách chưa bao quát đầy đủ các cấp học, trình độ đào tạo; (2) chính sách tuyển thẳng đại học chưa gắn chặt với năng lực người học; (3) cách xác định dân tộc thiểu số rất ít người chưa thống nhất giữa các văn bản; (4) mức và thời gian hỗ trợ chưa phù hợp; (5) một số chính sách có nguy cơ trùng lặp, chồng chéo; (6) thủ tục hành chính và phân cấp thực hiện không còn phù hợp với hệ thống pháp luật và mô hình quản lý hiện hành

Cụ thể như sau:

2.1. Hiệu quả tác động của chính sách

- Nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, các cơ sở giáo dục đào tạo và cộng đồng đối với phát triển giáo dục các DTTS RIN

Sau 09 năm thực hiện, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP đã khẳng định tính nhân văn, ưu việt và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào DTTS RIN, hầu hết đang sinh sống tại DTTS&MN có điều kiện KT-XH còn khó khăn nhất cả nước; củng cố niềm tin của đồng bào các DTTS RIN vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Các cấp, các ngành xác định thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển vùng trọng yếu, chiến lược của đất nước. Vì vậy, hầu hết các địa phương, cơ sở giáo dục đào tạo đã quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, đặc biệt trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nghị định số 57/2017/NĐ-CP đến các đối tượng thụ hưởng.

- Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh DTTS RIN đã góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc cho trẻ đi học đúng độ tuổi quy định cũng như nâng cao nhận thức về quyền được tới trường của trẻ em; giảm bớt khó khăn về kinh tế đối với các gia đình DTTS RIN, tạo điều kiện cho học sinh yên tâm học tập, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học, huy động tối đa học sinh đến trường; đảm bảo cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS tiếp tục được duy trì và giữ vững.

- Chất lượng chăm sóc giáo dục toàn diện đối với trẻ em, học sinh, sinh viên DTTS RIN được nâng cao; củng cố, duy trì kết quả phổ cập giáo dục; khẳng định vai trò của hệ thống các trường chuyên biệt trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS&MN

Sau 09 năm thực hiện, Nghị định 57/2017/NĐ-CP đã chứng minh tính hiệu quả, thiết thực của chính sách đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực cho các DTTS RIN:

Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục đào tạo đồng bào DTTS&MN cho thấy đến năm học 2025-2026, cơ bản các DTTS RIN đã đạt được các chỉ tiêu về mở rộng công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Từ đó cho thấy, những nỗ lực của Đảng và Nhà nước trong đầu tư phát triển giáo dục vùng DTTS&MN nói chung, các DTTS RIN nói riêng đã đạt được những kết quả hết sức khả quan trong việc nâng cao dân trí và trình độ học vấn cho đồng bào.

+ Mạng lưới trường, lớp được rà soát, quy hoạch, sắp xếp đảm bảo trường lớp trong điều kiện quy mô tăng; giảm các điểm trường, lớp ghép, đưa hầu hết học sinh lớp 4, 5 về học ở điểm trường chính.... Qua đó, hạn chế tình trạng bỏ học của học sinh các cấp cũng như tạo động lực các em học sinh DTTS RIN đi học đầy đủ hơn tại các cấp học, bậc học cao hơn.

+ Ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của các trường PTDTNT, PTDTBT, Dự bị đại học trong việc tạo điều kiện cho trẻ em, học sinh DTTS RIN được học tập rèn luyện và nuôi dưỡng trong môi trường giáo dục có chất lượng nhất của vùng DTTS&MN.

+ Công tác giáo dục ở các cấp học, bậc học vùng DTTS&MN phát triển đi vào chiều sâu, hướng tới từng DTTS đặc biệt là những dân tộc có dân số ít và điều kiện phát triển KT -XH khó khăn; tạo thuận lợi trong việc xét tuyển học sinh DTTS RIN đi học các bậc học cao hơn, hay theo học những ngành, nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

2.2. Khó khăn, bất cập

- Một số quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP đã bắt đầu bộc lộ hạn chế, bất cập gây khó khăn cho địa phương trong quá trình thực hiện:

+ Chính sách tuyển thẳng vào học đại học với học sinh DTTS RIN tốt nghiệp THPT dẫn đến hiệu quả giáo dục đại học cho đối tượng này còn thấp, nhiều sinh viên DTTS RIN bỏ học giữa chừng hoặc khó có khả năng tốt nghiệp đại học.

+ Chính sách hỗ trợ học tập chỉ áp dụng với trẻ mẫu giáo DTTS RIN từ 3 tuổi trở lên, trẻ nhà trẻ không có chế độ hỗ trợ, trong khi tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của nhiều DTTS RIN chiếm đến 80%, dẫn đến khó khăn trong công tác huy động trẻ nhà trẻ ra lớp và công tác quản lý, tổ chức hoạt động bán trú tại các trường mầm non có đông học sinh DTTS RIN.

+ Quy định về thời gian được hưởng hỗ trợ: "*12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế*" không quy định rõ ràng thời gian tính theo năm học hay năm tài chính nên gây khó khăn trong công tác chi trả đối với người học, đặc biệt với học sinh chuyển cấp.

+ Theo quy định tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về Công tác dân tộc, DTTS RIN là những dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Tuy nhiên, trong 10 năm qua, số dân của 16 DTTS RIN đã có sự thay đổi, kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019, có 02 dân tộc (La Hủ và La Ha) đã có số dân trên 10.000 người. Vì vậy cần cân nhắc, xem xét sự phù hợp những quy định về DTTS RIN trong Nghị định 05/2011/NĐ-CP và đối tượng thụ hưởng của Nghị định 57/2017/NĐ-CP đề có Quyết định phê duyệt danh sách các dân tộc rất ít người của cơ quan có thẩm quyền.

- Ngày 14/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù, trong đó có 14 dân tộc thuộc nhóm có khó khăn đặc thù đều là các DTTS RIN; 02 dân tộc là Ngái và La Hủ không thuộc nhóm này. Tại Điều 3 Quyết định số 1227/QĐ-TTg có quy định: "*Các dân tộc có khó khăn đặc thù được phê duyệt tại Quyết định này được tiếp tục thụ hưởng các chính sách áp dụng đối với các dân tộc thiểu số rất ít người đã ban hành và còn hiệu lực*". Từ đó, đã gây ra những cách hiểu khác nhau của địa phương khi thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP. Cụ thể, UBND Tỉnh Lai Châu đã tạm dừng chi trả chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh DTTS La Hủ, vì cho rằng dân tộc này vừa không thuộc đối tượng được nêu tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP vừa không thuộc nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg. Tuy nhiên, theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (đang có hiệu lực thi hành), thì dân tộc La Hủ và Ngái vẫn là đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Nghị định 57/2017/NĐ-CP ban hành trong bối cảnh đồng bộ các chính sách hiện hành cùng thời điểm. Tuy nhiên hiện nay, hầu hết các văn bản trên đã được thay thế, như Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 16/7/2016 đã được thay thế bằng Nghị định 66/2025/NĐ-CP...trong đó, nội hàm của 1 số chính sách đã được bổ sung, điều chỉnh cách tính kinh phí chi trả, hỗ trợ... đã dẫn đến các nguy cơ chồng chéo trong thực hiện với cùng 1 đối tượng người học.

- Định mức hỗ trợ cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP là 100% mức lương cơ sở/ người/ tháng còn thấp so với biến động giá cả và chi phí sinh hoạt của sinh viên.

- Nghị định 57/2017/NĐ-CP ban hành ngày 9/5/2017 trước khi có Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 13/9/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT, vì vậy một số quy định về thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP không còn phù hợp. Mặt khác, một trong những căn cứ ban hành Nghị định 57/2017/NĐ-CP là Luật giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2009 hiện đã hết hiệu lực thi hành, Luật giáo dục 2019 cũng đã được sửa đổi, bổ sung bằng Luật giáo dục 2026 cũng như một số quy định về phân cấp, phân quyền tại Nghị định 57/2017/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

(Chi tiết tại báo cáo Tổng kết 09 năm thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người)

Từ những căn cứ nêu trên, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP là cần thiết, nhằm tiếp tục chính sách đặc thù đối với người học DTTS RIN, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, công bằng trong thụ hưởng chính sách và nâng cao tính khả thi, hiệu quả tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ này, Bộ GDĐT đã được Chính phủ giao tại Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và bảo đảm công bằng trong giáo dục, không để ai bỏ lại phía sau; Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách đối với trẻ em, học sinh, học viên và cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và hải đảo.

- Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các dân tộc thiểu số rất ít người, nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào một cách bền vững nhằm giảm dần sự chênh lệch về khoảng cách phát triển với các dân tộc khác trong vùng; bảo đảm cơ hội tiếp cận, duy trì việc học và nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực của các DTTS RIN trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Xây dựng Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất,

tính kế thừa của hệ thống pháp luật về chính sách dân tộc, chính sách bảo tồn các dân tộc thiểu số rất ít người; bảo đảm an sinh giáo dục; bảo đảm các nguyên tắc về bình đẳng giới và không làm phát sinh quy định thủ tục hành chính.

- Kế thừa các quy định hiện hành có liên quan; giữ nguyên phạm vi chính sách gồm 2 nhóm (1) chính sách ưu tiên tuyển sinh, (2) chính sách hỗ trợ học tập, mở rộng phạm vi đối tượng người học từ mầm non đến sau đại học cả trong và ngoài công lập làm nổi bật tính ưu việt trong việc hiện thực hóa quan điểm của Đảng *"Đặc biệt, có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc rất ít người... Có chính sách đặc biệt để phát triển giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng và nâng cao chất lượng các trường, lớp nội trú, coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc"*.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được xây dựng để thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ, theo trình tự, thủ tục thông thường quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo được thực hiện như sau:

1. Tổ chức xây dựng dự thảo và lấy ý kiến

- Thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan; tổ chức tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017, xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 đối với 34 địa phương và các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc.

- Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để nghiên cứu, thống nhất nội dung dự thảo; lấy ý kiến 2 lần đối với các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đông đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người sinh sống.

- Tổ chức lấy ý kiến **lần thứ nhất** đối với các bộ, cơ quan ngang bộ về những nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo quy định; lấy ý kiến Hội đồng Dân tộc của Quốc hội và các địa phương.

- Đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 15/7/2026 đến hết ngày 25/7/2026 để lấy ý kiến rộng rãi.

- Trên cơ sở tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, tiếp tục tổ chức lấy ý kiến lần thứ hai đối với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương theo quy định.

2. Rà soát, hoàn thiện dự thảo

- Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan; bảo đảm dự thảo Nghị định có tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật và tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; không làm phát sinh thủ tục hành chính mới và không làm phát sinh vấn đề về giới.

- Rà soát, bảo đảm các quy định của dự thảo phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của cấp tỉnh, cấp xã và yêu cầu tổ chức thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

3. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định

Đã xây dựng đầy đủ các báo cáo, tài liệu trong hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, không làm phát sinh thủ tục hành chính và không làm phát sinh các vấn đề về giới.

- Dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cấp tỉnh và cấp xã theo chủ trương xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 11 Điều, trong đó Điều 1 đến Điều 10 quy định các nội dung thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, Điều 11 quy định Hiệu lực thi hành và Điều khoản chuyển tiếp, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

Điều 4. Chính sách hỗ trợ học tập

Điều 5. Trình tự, thủ tục xét duyệt và lập danh sách người học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập

Điều 6. Phương thức chi trả hỗ trợ học tập

Điều 7. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Điều 10. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Điều 11. Hiệu lực thi hành và Điều khoản chuyển tiếp

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Điều chỉnh chính sách ưu tiên tuyển sinh theo hướng phân tầng, phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo và năng lực người học

Nghị định số 57/2017/NĐ-CP quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh theo hướng tuyển thẳng đối với người học DTTS RIN từ giáo dục mầm non đến giáo

dục đại học. Dự thảo Nghị định kế thừa chính sách ưu tiên nhưng điều chỉnh theo hướng phân tầng, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, đồng thời gắn chính sách ưu tiên với yêu cầu về năng lực người học, nhất là ở trình độ đại học và sau đại học.

Theo đó, đối với giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên tiếp nhận vào cơ sở giáo dục công lập phù hợp; đối với trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, dự bị đại học và cử tuyển tiếp tục áp dụng cơ chế tuyển thẳng theo điều kiện tương ứng. Đối với tuyển sinh đại học, thay cơ chế tuyển thẳng bằng cộng mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách đối với người học đủ điều kiện đăng ký dự tuyển.

Đối với tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, dự thảo bổ sung cơ chế ưu tiên phù hợp với từng phương thức tuyển sinh: trường hợp sử dụng thang điểm, người dự tuyển được cộng mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách cao nhất; trường hợp không sử dụng thang điểm, được ưu tiên lựa chọn khi có kết quả đánh giá tương đương với người dự tuyển khác và đáp ứng điều kiện đầu vào của chương trình đào tạo. Việc sử dụng chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số trong xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở đào tạo, đồng thời người học phải đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi được công nhận tốt nghiệp.

Việc điều chỉnh nhằm chuyển từ ưu tiên mang tính đồng nhất sang ưu tiên theo cấp học và trình độ đào tạo, vừa bảo đảm chính sách đặc thù đối với người DTTS RIN, vừa bảo đảm chất lượng đầu vào và chất lượng đào tạo, nhất là đối với giáo dục đại học và sau đại học.

b) Điều chỉnh mức hỗ trợ học tập

Dự thảo điều chỉnh cách xác định mức hỗ trợ từ tỷ lệ phần trăm mức lương cơ sở theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP sang mức tiền cụ thể, nhằm bảo đảm tính ổn định của chính sách, thuận lợi trong lập dự toán, bố trí và quản lý ngân sách, đồng thời đồng bộ với cách quy định mức hỗ trợ tại các chính sách hiện hành.

Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục thường xuyên, học sinh bán trú, nội trú, dự bị đại học và sinh viên cử tuyển, về cơ bản kế thừa mức hỗ trợ của Nghị định số 57/2017/NĐ-CP và quy đổi thành mức tiền tương ứng.

Đối với sinh viên, mức hỗ trợ được điều chỉnh **tăng** để phù hợp hơn với chi phí học tập, sinh hoạt hiện nay; mức này đồng thời được áp dụng đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh là người DTTS RIN. Dự thảo quy định các mức hỗ trợ từ 759.000 đồng đến 3.795.000 đồng/người/tháng tùy nhóm đối tượng. Hồ sơ dự thảo đã có báo cáo đánh giá tác động ngân sách.

c) Điều chỉnh thời gian hưởng và nguyên tắc hưởng chính sách

Dự thảo tiếp tục quy định thời gian hỗ trợ 12 tháng/năm đối với người học có thời gian học đủ 9 tháng/năm; trường hợp không đủ 9 tháng/năm và năm học cuối cấp thì hưởng theo số tháng thực học. Quy định này nhằm bảo đảm tính liên tục của chính sách hỗ trợ đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người, đồng thời khắc phục vướng mắc trong xác định thời gian hưởng đối với trường hợp chuyển cấp, kết thúc khóa học. Đồng thời **bổ sung** 01 tháng hỗ trợ đối với trẻ em, học sinh

tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

Dự thảo đồng thời hoàn thiện nguyên tắc hướng theo hướng xác định rõ tính chất của chính sách hỗ trợ học tập, xử lý trường hợp một người đồng thời thuộc nhiều chính sách hỗ trợ có cùng mục tiêu, nội dung chi và thời gian hỗ trợ theo nguyên tắc chỉ hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất. Quy định này nhằm bảo đảm thống nhất, công bằng, tránh trùng lặp chính sách và đồng bộ với các chính sách hỗ trợ người học hiện hành.

2.2. Nội dung bổ sung

a) Mở rộng đối tượng được hưởng chính sách

So với Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, dự thảo mở rộng đối tượng thụ hưởng theo hướng bao quát các nhóm người học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó **bổ sung** trẻ em nhà trẻ, người học chương trình giáo dục thường xuyên, người học giáo dục nghề nghiệp, sinh viên trường cao đẳng sư phạm, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người DTTS RIN.

Lý do: Khi ban hành Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, mặt bằng giáo dục của 16 DTTS RIN còn thấp; chính sách mới tập trung vào trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên. Sau 09 năm thực hiện, tất cả các DTTS RIN đã có người học đại học. Trong đó, 16 DTTS RIN có tổng số 643 người đã, đang học đại học tại hơn 50 cơ sở đào tạo trên cả nước (chi tiết trong Biểu 3a, 4a Phụ lục Báo cáo tổng kết), nhưng theo số liệu thống kê năm 2024 của Ủy ban dân tộc, **chưa ghi nhận người có trình độ sau đại học** thuộc 16 dân tộc này, trong khi các DTTS khác đã ngày một gia tăng tỷ lệ người học có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

Trong khi đó, Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đặt mục tiêu **tăng tỷ lệ đào tạo sau đại học và ưu tiên các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học**.

Vì vậy, Bộ GDĐT đề xuất mở rộng chính sách cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người DTTS RIN vào đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ học tập, nhằm tạo nguồn nhân lực trình độ cao, bảo đảm tính kế thừa và phát triển của chính sách. Nếu chính sách được ban hành, giúp tăng khả năng các DTTS RIN có người học sau đại học.

Bộ GDĐT đã đánh giá tác động ngân sách khi mở rộng các đối tượng này trong Bảng báo cáo kèm theo.

b) Mở rộng phạm vi cơ sở giáo dục và bổ sung một số loại hình giáo dục đặc thù

Dự thảo xác định chính sách hỗ trợ học tập được thực hiện đối với người học tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm cơ sở công lập và ngoài công lập, qua đó bảo đảm chính sách gần với người học, không phân biệt và giới hạn tiếp cận chính sách giáo dục công – tư trên cùng địa bàn.

Đồng thời, dự thảo cập nhật các loại hình cơ sở giáo dục, mô hình tổ chức mới theo quy định hiện hành, trong đó có trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền và các cơ sở giáo dục có người học bán trú.

c) Điều chỉnh chính sách ưu tiên tuyển sinh ở bậc đại học, bổ sung sau đại học

Dự thảo điều chỉnh chính sách ưu tiên tuyển sinh theo hướng phân tầng theo cấp học, trình độ đào tạo, vừa bảo đảm ưu tiên đối với người học DTTS RIN, vừa gắn với yêu cầu chất lượng.

Đối với tuyển sinh đại học, thay cơ chế tuyển thẳng tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP bằng cộng mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách đối với người học đủ điều kiện dự tuyển.

Đối với tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ, bổ sung cơ chế ưu tiên phù hợp với từng phương thức tuyển sinh: trường hợp sử dụng thang điểm thì được cộng mức điểm ưu tiên cao nhất; trường hợp không sử dụng thang điểm thì được ưu tiên lựa chọn khi có kết quả tương đương và đáp ứng điều kiện đầu vào. Việc sử dụng chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số trong xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở đào tạo; người học vẫn phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi được công nhận tốt nghiệp.

Việc điều chỉnh không làm thay đổi chính sách ưu tiên mà chuyển phương thức ưu tiên phù hợp với từng trình độ đào tạo để tránh tình trạng ưu tiên đầu vào đại học nhưng người học khó hoàn thành chương trình.

d) Bổ sung quy định xử lý các trường hợp phát sinh trong quá trình hưởng chính sách

Dự thảo bổ sung quy định cụ thể đối với trường hợp lưu ban, tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng; tạm dừng học vì lý do khác; ngừng học, buộc thôi học; đồng thời học tại nhiều cơ sở hoặc nhiều chương trình đào tạo; học chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ hai, đào tạo từ xa, vừa làm vừa học.

Quy định này khắc phục khoảng trống của Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, tạo căn cứ thống nhất để cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế.

đ) Bổ sung cơ chế chuyển tiếp khi thay đổi danh sách dân tộc thiểu số rất ít người

Dự thảo không cố định danh sách các DTTS RIN mà thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác dân tộc. Trong thời gian chưa có quy định mới, tiếp tục áp dụng danh sách 16 dân tộc theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; trường hợp danh sách thay đổi thì người đang hưởng chính sách mà không còn thuộc đối tượng vẫn được tiếp tục hưởng đến hết cấp học, khóa học hoặc chương trình đào tạo đang theo học.

Quy định này vừa bảo đảm thống nhất với pháp luật về công tác dân tộc, vừa bảo đảm ổn định, liên tục và không làm gián đoạn quyền lợi của người đang thụ hưởng chính sách.

2.3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp

a) Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo thực hiện cải cách thủ tục theo hướng chuyển từ người học chủ động

lập hồ sơ để chứng minh điều kiện hưởng sang cơ sở giáo dục, cơ quan có thẩm quyền chủ động rà soát, khai thác dữ liệu để xác định đối tượng.

Theo đó, cơ sở giáo dục và cơ quan giải quyết thủ tục chủ động khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ; người học, cha mẹ hoặc người giám hộ chỉ cung cấp những thông tin, giấy tờ chưa có hoặc chưa khai thác được và không phải cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu. Người học chỉ thực hiện đăng ký một lần trong thời gian học tại cùng một cơ sở giáo dục, trừ trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến điều kiện hưởng. Việc giải quyết được thực hiện trên môi trường điện tử; hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính chỉ áp dụng khi chưa đủ điều kiện thực hiện điện tử.

Trên cơ sở đó, dự kiến không phát sinh thủ tục hành chính mới; lược bỏ 01 thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế 01 thủ tục hành chính hiện hành; không có thủ tục hành chính giữ nguyên. Việc cắt giảm, đơn giản hóa được thực hiện gắn với chủ trương chuyển đổi số, khai thác dữ liệu dân cư và các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về phân quyền, phân cấp

Dự thảo rà soát, phân định lại trách nhiệm giải quyết thủ tục và tổ chức thực hiện chính sách phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và chủ trương đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước.

Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục chủ động rà soát, xác định và phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách. Đối với người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú thực hiện thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả chính sách; thời hạn thẩm định, phê duyệt là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin cần thiết.

Đồng thời, dự thảo phân định rõ trách nhiệm giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện, bố trí kinh phí, kiểm tra, giám sát và quản lý dữ liệu.

2.4. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ban soạn thảo, Vụ GDPT đã rà soát các điều ước quốc tế có liên quan đến quyền được giáo dục, quyền của trẻ em, nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Công ước về quyền của người khuyết tật.

Qua rà soát, các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, hỗ trợ người học thuộc các DTTS RIN và thu hẹp chênh lệch về cơ hội học tập; không có nội dung trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, không làm phát sinh hoặc thay đổi nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

2.5. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: Không có

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ):

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Một số quy định của dự thảo Nghị định đòi hỏi nhân lực trong quá trình triển khai thực hiện như: việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ và quản lý dữ liệu liên quan; thực hiện phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính về giáo dục; khai thác, đối soát thông tin từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm vận hành các quy trình điện tử tại cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục các cấp... Tuy nhiên, các hoạt động nêu trên, không làm tăng biên chế, không tạo ra yêu cầu về bổ sung nguồn nhân lực cho bộ máy nhà nước.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ GDĐT chủ trì thực hiện xây dựng nội dung tuyên truyền, phổ biến liên quan đến thi hành Nghị định đến các cơ quan, cơ sở giáo dục, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị định. Các nội dung tại dự thảo Nghị định bảo đảm được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và không phát sinh nhiệm vụ chi mới ngoài phạm vi chính sách; phát sinh không đáng kể ngân sách nhà nước.

- Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; nhu cầu kinh phí tăng thêm do mở rộng đối tượng và điều chỉnh mức hỗ trợ đã được xác định, đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động và Phụ lục dự kiến kinh phí kèm theo hồ sơ (*Phụ lục kèm theo*).

- Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện: thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra tình hình thi hành Nghị định.

3. Thời gian trình Chính phủ ban hành: Tháng 10/2026

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Bộ GDĐT xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu(để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, GDPT.

BỘ TRƯỞNG**Hoàng Minh Sơn**

ĐỰ KIẾN TÁC ĐỘNG NGÂN SÁCH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC TẬP TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 57/2017/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BGDĐT ngày /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Đối tượng hưởng chính sách	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP						Dự thảo Nghị định thay thế						Chênh lệch Dự thảo Nghị định - Nghị định số 57/2017/NĐ-CP
		% mức lương cơ sở	Số tiền tương đương	Đơn vị tính	Số tháng tối đa được lĩnh trong 1 năm*	Số lượng người thụ hưởng dự tính trong 1 năm	Ngân sách chi (đồng)	% mức lương cơ sở	Số tiền tương đương	Đơn vị tính	Số tháng tối đa được lĩnh trong 1 năm	Số lượng người thụ hưởng dự tính trong 1 năm	Dự kiến Ngân sách chi (đồng)	
1	Trẻ nhà trẻ 6 tháng - 3 tuổi	0.0%	-	đ/tháng	12	4,130	-	30.0%	759,000	đ/tháng	12	4,130	37,620,088,000	37,620,088,000
2	Trẻ mẫu giáo 3 - 5 tuổi	30.0%	759,000	đ/tháng	12	4,130	37,620,088,000	30.0%	759,000	đ/tháng	12	4,130	37,620,088,000	0
3	Học sinh trường phổ thông, thường xuyên công lập	40.0%	1,012,000	đ/tháng	12	6,081	73,843,616,000	40.0%	1,012,000	đ/tháng	12	3,209	38,970,096,000	-34,873,520,000
4	Học sinh bán trú, học viên bán trú	60.0%	1,518,000	đ/tháng	12	6,173	112,451,416,000	60.0%	1,518,000	đ/tháng	12	3,079	56,077,956,000	-56,373,460,000
5	Học sinh bán trú buổi trưa trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền (tương đương học sinh đang học trường công lập thực tế không phát sinh kinh phí)**	0.0%	-	đ/tháng	12		-	40.0%	1,012,000	đ/tháng	12	3,209	38,970,096,000	38,970,096,000
6	Học sinh nội trú trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền (tương đương học sinh bán trú đang học trường PTDTBT nên thực tế không phát sinh kinh phí)	0.0%	-	đ/tháng	12		-	60.0%	1,518,000	đ/tháng	12	3,079	56,077,956,000	56,077,956,000
7	Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, dự bị đại học, sinh viên cử tuyển	100.0%	2,530,000	đ/tháng	12	1,358	41,218,760,000	100.0%	2,530,000	đ/tháng	12	1,358	41,218,760,000	0
8	Sinh viên đại học, cao đẳng	100.0%	2,530,000	đ/tháng	12	85	2,587,346,667	150.0%	3,795,000	đ/tháng	12	85	3,881,020,000	1,293,673,333
9	Học viên sau đại học, nghiên cứu sinh	0.0%	-	đ/tháng	12	9	-	150.0%	1,025,000	đ/tháng	12	9	110,700,000	110,700,000
TỔNG						21,967	267,721,226,667					22,288	310,546,760,000	42,825,533,333

Kinh phí phát sinh khi Nghị định được ban hành, mỗi năm khoảng 43 tỷ đồng. Trong đó, dự kiến chi cho trẻ nhà trẻ phát sinh 37 tỷ/ năm, sau đại học 110 triệu/năm, sinh viên đại học 1,3 tỷ/ năm

Kết luận: dự thảo Nghị định không làm tăng thêm gánh nặng ngân sách, mà còn giúp sử dụng hiệu quả hơn

Ghi chú:

- (*) Số liệu người học được tính dựa trên số liệu tổng kết 9 năm tình hình thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP
- (**) Số học sinh DTTS RIN bán trú buổi trưa tại trường PTNT các xã biên giới ước tính bằng 50% số học sinh DTTS RIN của trường phổ thông công lập; số học sinh DTTSRIN nội trú được ước tính bằng 50% số học sinh bán trú của trường phổ thông dân tộc bán trú.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

Dự thảo 12.9.2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ về công tác dân tộc, bao gồm:

a) Trẻ em trong độ tuổi, học tại cơ sở giáo dục mầm non;

b) Học sinh học tại cơ sở giáo dục phổ thông, trường dự bị đại học; học sinh, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục.

c) Học sinh, sinh viên học theo hình thức chính quy tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; học viên cao học, nghiên cứu sinh học tại cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách cho đối tượng người học quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

1. Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên tuyển sinh vào học tại các cơ sở giáo dục công lập phù hợp với nguyện vọng và năng lực:

a) Trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người trong độ tuổi theo quy định được tiếp nhận vào học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập.

b) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người trong độ tuổi tiểu học được tiếp nhận vào học tại trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông công lập có cấp tiểu học.

c) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người hoàn thành chương trình tiểu học được tiếp nhận vào học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông công lập có cấp trung học cơ sở.

d) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người hoàn thành chương trình trung học cơ sở hoặc tương đương được tiếp nhận vào học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông công lập có cấp trung học phổ thông hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

đ) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương được tuyển thẳng vào học tại trường dự bị đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; là đối tượng tuyển sinh đi học theo chế độ cử tuyển quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

e) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách khi dự tuyển tuyển sinh vào học tại cơ sở giáo dục đại học. Mức điểm ưu tiên cao nhất theo đối tượng chính sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

2. Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở đào tạo được ưu tiên tuyển thẳng vào học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ học tập

1. Mức hưởng

a) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **759.000 đồng/người/tháng**.

b) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung học nghề hoặc học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **1.012.000 đồng/người/tháng**.

c) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là học sinh bán trú, học viên bán trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách, được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **1.518.000 đồng/người/tháng**.

d) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít học tại trường phổ thông nội trú nếu là học sinh bán trú buổi trưa được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **1.012.000 đồng/người/tháng**; nếu là học sinh nội trú được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **1.518.000 đồng/người/tháng**.

đ) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường trung cấp, trường cao đẳng được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **2.530.000 đồng/người/tháng**.

e) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tại cơ sở giáo dục đại học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập mức **3.795.000 đồng/người/tháng**.

2. Thời gian hưởng

a) Thời gian được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này là 12 tháng/năm cho người học có thời gian học đủ 9 tháng/năm; trường hợp không đủ 9 tháng/năm và trong năm học cuối cấp thì người học được hưởng theo số tháng thực học.

b) Số năm học được hưởng chính sách không vượt quá số năm tối đa để hoàn thành chương trình giáo dục, đào tạo tương ứng với chương trình giáo dục, ngành học theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp Một được hưởng thêm 01 tháng trong năm học lớp Một.

3. Nguyên tắc hưởng

a) Trường hợp người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người đồng thời thuộc đối tượng hưởng nhiều chính sách có nội dung hỗ trợ trùng nhau thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

b) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục mầm non đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập tại Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

c) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại cơ sở giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính

phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

d) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú, học viên bán trú đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

đ) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại trường phổ thông nội trú đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

e) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này hoặc học bổng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

g) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là sinh viên tại cơ sở giáo dục đại học đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì không hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

h) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên đã được hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì không hưởng học bổng chính sách theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp và không hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

i) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là sinh viên sư phạm thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2025/NĐ-CP, đồng thời thuộc đối

tượng hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì đối với khoản hỗ trợ có cùng tính chất, chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

k) Người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người là sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại Nghị định số 176/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, đồng thời thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này thì đối với khoản hỗ trợ có cùng tính chất, chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

4. Các trường hợp cụ thể trong quá trình hưởng chính sách

a) Trường hợp người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng, thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.

b) Trường hợp người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người bị tạm dừng học hoặc tự tạm dừng học thì không được hưởng chính sách hỗ trợ học tập trong thời gian tạm dừng học.

c) Trường hợp người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người bị buộc thôi học hoặc tự thôi học thì không được hưởng chính sách hỗ trợ học tập kể từ thời điểm thôi học.

d) Trường hợp trong cùng thời gian, người học thuộc các dân tộc thiểu số rất ít người đồng thời học tại nhiều cơ sở giáo dục hoặc học nhiều ngành, chương trình đào tạo thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ học tập một lần tại một cơ sở giáo dục.

đ) Không áp dụng chính sách hỗ trợ học tập đối với người học chương trình đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai hoặc theo hình thức đào tạo từ xa, vừa làm vừa học.

Điều 5. Trình tự, thủ tục xét duyệt và lập danh sách người học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập

1. Đối với cơ sở giáo dục công lập

a) Đầu năm học hoặc đầu khóa học, người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm phổ biến chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này đến người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học; chủ động rà soát, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật để xác định người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

b) Cơ sở giáo dục thông tin cho người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học về đối tượng, mức hưởng và thời gian hưởng để biết, đối chiếu hoặc điều chỉnh thông tin; lập, phê duyệt và công khai danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập.

c) Trường hợp thông tin khai thác từ các cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ hoặc chưa bảo đảm căn cứ xác định đối tượng thụ hưởng, cơ sở giáo dục hướng dẫn người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học hộ cung cấp thông tin, giấy tờ còn thiếu theo quy định tại khoản 3 Điều này để đối chiếu, xác minh. Không yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã khai thác được từ các cơ sở dữ liệu.

2. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập

a) Đầu năm học hoặc đầu khóa học, người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm phổ biến chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này đến người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học; rà soát người học thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này; thông báo về đối tượng, mức hưởng và thời gian hưởng để người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học xác nhận, từ chối hoặc yêu cầu điều chỉnh thông tin; lập danh sách người học đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ học tập và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú để thẩm định, phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã đối chiếu thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật để xác định người học thuộc đối tượng hưởng chính sách.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, phê duyệt danh sách người học đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học tập và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục để tổ chức thực hiện. Trường hợp không phê duyệt, phải thông báo và nêu rõ lý do.

đ) Cơ sở giáo dục ngoài công lập có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xác minh, bổ sung thông tin và tổ chức thực hiện chính sách đối với người học sau khi danh sách được phê duyệt.

3. Thực hiện thủ tục trong trường hợp chưa khai thác đầy đủ thông tin từ cơ sở dữ liệu

a) Trường hợp chưa khai thác được hoặc khai thác chưa đầy đủ thông tin cần thiết từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học thực hiện đăng ký đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học chỉ cung cấp thông tin, giấy tờ chưa có hoặc chưa khai thác được từ các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật; không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ mà cơ sở giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền đã khai thác được.

c) Người học chỉ thực hiện đăng ký một lần trong thời gian học tập tại cùng một cơ sở giáo dục, trừ trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến điều kiện hưởng chính sách.

4. Phương thức thực hiện

a) Việc rà soát, xác định đối tượng, tiếp nhận, xử lý thông tin, lập, phê duyệt và quản lý danh sách người học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện thực hiện trên môi trường điện tử, việc đăng ký và cung cấp thông tin, giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện trực tiếp tại cơ sở giáo dục hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Trường hợp người học đăng ký hoặc bổ sung đầy đủ thông tin sau thời điểm bắt đầu năm học hoặc khóa học thì được hưởng chính sách kể từ tháng cơ sở giáo dục hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có đủ căn cứ xác định người học đủ điều kiện hưởng chính sách.

Điều 6. Phương thức chi trả hỗ trợ học tập

1. Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập:

a) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ sở giáo dục công lập theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ danh sách người học được phê duyệt theo Điều 5 Nghị định này và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ học tập cho người học, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học theo quy định.

c) Việc chi trả được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc hình thức thanh toán hợp pháp khác; ưu tiên phương thức thanh toán không dùng tiền mặt khi đủ điều kiện thực hiện. Việc chi trả thực hiện theo tháng.

2. Đối với người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập:

a) Căn cứ danh sách người học được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt theo Điều 5 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học đăng ký thường trú tổ chức chi trả chính sách hỗ trợ học tập cho người học, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học và thực hiện quản lý, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Việc chi trả được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc hình thức thanh toán hợp pháp khác; ưu tiên phương thức thanh toán không dùng tiền mặt khi đủ điều kiện thực hiện. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế của đối tượng được hưởng, việc chi trả thực hiện theo tháng hoặc theo quý.

3. Việc chi trả chính sách hỗ trợ học tập phải bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng mức và đúng thời gian được hưởng theo quy định tại Nghị định này. Kỳ chi trả được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị thực hiện, bảo đảm người học được nhận đủ kinh phí hỗ trợ tương ứng với số tháng được hưởng.

Điều 7. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí

1. Việc lập, tổng hợp, phân bổ, giao, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hằng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp căn cứ số lượng người học dự kiến thuộc đối tượng được hưởng, mức hỗ trợ và thời gian hưởng quy định tại Nghị định này để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục công lập, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách được tổng hợp trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ sở giáo dục và gửi cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí.

4. Đối với người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng người học dự kiến thuộc đối tượng được hưởng trên địa bàn để xác định nhu cầu kinh phí, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

5. Trường hợp số lượng người học thực tế và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách có biến động so với dự toán được giao, cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp, xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện chính sách có trách nhiệm quản lý, sử dụng, chi trả và quyết toán kinh phí đúng đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong từng thời kỳ.

3. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học tập đối với người học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc các bộ, cơ quan trung ương quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này; hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Hướng dẫn theo thẩm quyền các nội dung về chính sách ưu tiên tuyển sinh đối với người học thuộc dân tộc thiểu số rất ít người trong tuyển sinh giáo dục đại học, sau đại học.

c) Tổ chức theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách và xây dựng, cập nhật, khai thác dữ liệu người học thụ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện chính sách; khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính: Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị định theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Phê duyệt danh sách các dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của pháp luật về công tác dân tộc.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người; cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chuyên môn có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người; bảo đảm đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hưởng theo quy định tại Nghị định này.

b) Chỉ đạo rà soát, xác định nhu cầu, lập dự toán, bố trí kinh phí và tổ chức chi trả chính sách theo quy định của Nghị định này và pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

d) Chỉ đạo cập nhật, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu người học thụ hưởng chính sách theo đúng thẩm quyền, điều kiện kỹ thuật và quy định của pháp luật; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời.

đ) Hằng năm, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo để phối hợp theo dõi theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Người học, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học; cơ sở giáo dục; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu kê khai, xác nhận hoặc cung cấp thông tin không đúng để hưởng chính sách quy định tại Nghị định này thì phải hoàn trả số tiền đã hưởng không đúng quy định và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách có trách nhiệm công khai danh sách người học được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch và bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân của người học.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin về người học thụ hưởng chính sách thông qua kết nối, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo đúng thẩm quyền, điều kiện kỹ thuật và quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xác định đối tượng, phê duyệt danh sách, chi trả và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026 và thay thế Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành quy định chính sách hỗ trợ cùng tính chất đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 của Nghị định này.

3. Trường hợp tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa có quy định mới về danh sách các dân tộc thiểu số rất ít người thì tiếp tục áp dụng danh

sách 16 dân tộc thiểu số rất ít người đã quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, gồm: Công, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ để thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này cho đến khi có quy định mới thay thế.

3. Người học thuộc một trong các trường hợp sau đây được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ học tập:

a) Người học đang hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định này mà không còn thuộc đối tượng áp dụng do danh sách các dân tộc thiểu số rất ít người được phê duyệt theo quy định của pháp luật về công tác dân tộc có thay đổi;

b) Người học đang hưởng chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không còn thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

4. Thời gian tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ học tập đối với người học quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trẻ em, học sinh đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được tiếp tục hưởng đến hết cấp học đang theo học;

b) Học sinh, học viên đang học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dự bị đại học, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; sinh viên đang học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học hoặc theo chế độ cử tuyển; học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tại cơ sở giáo dục đại học được tiếp tục hưởng đến hết khóa học hoặc chương trình đào tạo đang theo học.

5. Người học quy định tại khoản 3 Điều này không phải thực hiện lại thủ tục xác định đối tượng hưởng chính sách, trừ trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến điều kiện hưởng chính sách.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu đăng ký hỗ trợ học tập đối với người học cơ sở giáo dục công lập
Mẫu số 02	Phiếu đăng ký hỗ trợ học tập đối với người học cơ sở giáo dục ngoài công lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dành cho người học tại cơ sở giáo dục công lập trong trường hợp chưa khai thác đầy đủ thông tin từ cơ sở dữ liệu)

Kính gửi:

1. Thông tin của người học

Họ và tên người học:
 Sinh ngày:
 Địa chỉ cư trú tại:
 Số định danh cá nhân/căn cước công dân (nếu có):
 Lớp: Khóa:
 Mã số người học (nếu có):
 Dân tộc:

2. Thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học

Họ tên cha/ mẹ/ người giám hộ:
 Dân tộc:
 Căn cứ Nghị định số .../..... /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định, tôi đề nghị xem xét đề hỗ trợ học tập theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Ký và ghi rõ họ tên, quan hệ với người học)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ HỌC TẬP
(Dành cho người học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập trong trường hợp chưa khai thác đầy đủ thông tin từ cơ sở dữ liệu)

Kính gửi:

1. Thông tin của người học

Họ và tên người học:
 Sinh ngày:
 Địa chỉ cư trú tại:
 Số định danh cá nhân/căn cước công dân (nếu có):
 Lớp: Khóa:
 Mã số người học (nếu có):
 Dân tộc:

2. Thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học

Họ tên cha/mẹ/ người giám hộ:
 Dân tộc:
 Căn cứ Nghị định số .../ /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định, tôi đề nghị xem xét để hỗ trợ học tập theo quy định.
, ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, quan hệ với người học)

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Cơ sở giáo dục:
 Xác nhận người học:
 Hiện là lớp: Khóa:
 Thời gian khóa học: (năm) Hình thức đào tạo:
 Đề nghị xem xét hỗ trợ học tập cho anh/chị..... theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

